

BỘ Y TẾ

Số: 19/2015/TT-BYT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 15 tháng 7 năm 2015

THÔNG TƯ

QUY ĐỊNH VỀ KIỂM TRA, XỬ LÝ, RÀ SOÁT, HỆ THỐNG HÓA VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT TRONG LĨNH VỰC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA BỘ Y TẾ

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 03 tháng 06 năm 2008;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 24/2009/NĐ-CP ngày 05 ngày 3 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 40/2010/NĐ-CP ngày 12 ngày 4 năm 2010 của Chính phủ về kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 16/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 63/2012/NĐ-CP ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế,

Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Thông tư quy định về kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Y tế.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định về kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật, văn bản có chứa quy phạm pháp luật nhưng được ban hành không đúng hình thức, thẩm quyền (sau đây viết tắt là văn bản), xử lý đối với văn bản trái pháp luật; rà soát, hệ thống hóa văn bản trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Y tế.

2. Việc kiểm tra văn bản có nội dung thuộc bí mật nhà nước thực hiện theo Quyết định số 42/2009/QĐ-TTg ngày 16/3/2009 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định về kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật có nội dung thuộc bí mật nhà nước và quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các đơn vị thuộc Bộ Y tế; Bộ, Cơ quan ngang Bộ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khi ban hành văn bản thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Y tế; tổ chức, cá nhân có liên quan trong công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Y tế.

Điều 3. Văn bản thuộc phạm vi kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa

1. Văn bản thuộc phạm vi tự kiểm tra của Bộ Y tế:

a) Thông tư của Bộ trưởng Bộ Y tế;

b) Thông tư liên tịch giữa Bộ trưởng Bộ Y tế với Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;

c) Quyết định, chỉ thị của Bộ trưởng Bộ Y tế; Thông tư liên tịch giữa Bộ Y tế với cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội ban hành trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 chưa bị hủy bỏ, bãi bỏ hoặc thay thế bằng văn bản khác;

d) Văn bản có chứa quy phạm pháp luật do Bộ Y tế, đơn vị thuộc Bộ Y tế ban hành không đúng hình thức, thẩm quyền được cơ quan, tổ chức, cá nhân phát hiện, yêu cầu, kiến nghị, cụ thể như sau:

- Văn bản có chứa quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành nhưng không được ban hành bằng hình thức thông tư, thông tư liên tịch;

- Văn bản có hình thức như văn bản quy phạm pháp luật, văn bản có hình thức không phải là văn bản quy phạm pháp luật nhưng có chứa quy phạm pháp luật (quyết định, chỉ thị, công văn, thông cáo, thông báo, quy định, quy chế, điều lệ, chương trình, kế hoạch, hướng dẫn và các hình thức văn bản hành chính khác) do

cơ quan, cá nhân không có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật (Thứ trưởng, thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Y tế) ban hành.

2. Văn bản thuộc phạm vi kiểm tra của Bộ Y tế là văn bản có quy định liên quan đến lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Y tế, bao gồm:

- a) Thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ;
- b) Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh; Quyết định, chỉ thị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;
- c) Quyết định, chỉ thị của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ được ban hành trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 mà chưa bị hủy bỏ, bãi bỏ hoặc thay thế bằng văn bản khác;
- d) Văn bản có chứa quy phạm pháp luật do cơ quan khác ban hành không đúng hình thức, thẩm quyền được cơ quan, tổ chức, cá nhân phát hiện, yêu cầu, kiến nghị gửi đến Bộ Y tế, cụ thể như sau:

- Văn bản có chứa quy phạm pháp luật về y tế do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ ban hành nhưng không được ban hành bằng hình thức thông tư, thông tư liên tịch;
- Văn bản có chứa quy phạm pháp luật về y tế do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành nhưng không được ban hành bằng hình thức nghị quyết của Hội đồng nhân dân, quyết định, chỉ thị của Ủy ban nhân dân;
- Văn bản có chứa quy phạm pháp luật về y tế hoặc văn bản có thể thức và nội dung như văn bản quy phạm pháp luật do Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ khác, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành.

3. Văn bản thuộc phạm vi rà soát, hệ thống hóa của Bộ Y tế là văn bản có quy định liên quan đến lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Y tế, bao gồm:

- a) Luật, Nghị quyết của Quốc hội;
- b) Pháp lệnh, Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- c) Lệnh, Quyết định của Chủ tịch nước;

- d) Nghị định của Chính phủ;
- đ) Quyết định của Thủ tướng Chính phủ;
- e) Thông tư liên tịch;
- g) Thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ;
- h) Điều ước quốc tế mà Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;
- i) Quyết định, chỉ thị của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ; Thông tư liên tịch giữa Bộ, Cơ quan ngang Bộ với cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội ban hành trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 mà chưa bị hủy bỏ, bãi bỏ hoặc thay thế bằng văn bản khác.

Chương II

KIỂM TRA, XỬ LÝ VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT THUỘC LĨNH VỰC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA BỘ Y TẾ

Mục 1. TỰ KIỂM TRA VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT VỀ Y TẾ

Điều 4. Trách nhiệm tự kiểm tra

1. Các Vụ, Cục, Tổng cục, Văn phòng Bộ, Thanh tra Bộ thuộc Bộ Y tế có trách nhiệm tổ chức tự kiểm tra thường xuyên và kiểm tra khi nhận được yêu cầu, kiến nghị đối với các văn bản quy định tại Khoản 1 Điều 3 Thông tư này do đơn vị chủ trì hoặc phối hợp soạn thảo trình Bộ trưởng Bộ Y tế ký, ban hành hoặc phối hợp ban hành và tự kiểm tra theo phân công của Lãnh đạo Bộ Y tế.
2. Vụ Pháp chế Bộ Y tế có trách nhiệm tổ chức tự kiểm tra văn bản theo quy định tại Khoản 1 Điều này và làm đầu mối giúp Bộ trưởng Bộ Y tế trong công tác tự kiểm tra văn bản. Trong trường hợp cần thiết, Vụ trưởng Vụ Pháp chế xem xét, quyết định thực hiện kiểm tra tất cả văn bản thuộc phạm vi tự kiểm tra của Bộ Y tế.

Điều 5. Nội dung tự kiểm tra văn bản

Nội dung tự kiểm tra văn bản là việc xem xét, đánh giá và kết luận về tính hợp hiến, hợp pháp của văn bản theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 40/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật (sau đây gọi tắt là Nghị định số 40/2010/NĐ-CP) và Điều 3 Thông tư số 20/2010/TT-

BTP ngày 30/11/2010 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2010/NĐ-CP ngày 12/4/2010 của Chính phủ về kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật (sau đây gọi tắt là Thông tư số 20/2010/TT-BTP).

Điều 6. Gửi văn bản phục vụ công tác tự kiểm tra

1. Trong thời hạn chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày văn bản được ký ban hành, cơ quan chủ trì soạn thảo đã tham mưu cho Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành, phối hợp ban hành các văn bản quy định tại các điểm a, b, c Khoản 1 Điều 3 Thông tư này phải gửi 01 bản chính thức đến Vụ Pháp chế Bộ Y tế để tổng hợp, theo dõi và kiểm tra trong trường hợp được Lãnh đạo Bộ Y tế phân công.
2. Khi phát hiện văn bản do Bộ Y tế ban hành, phối hợp ban hành quy định tại Khoản 1 Điều 3 Thông tư này có dấu hiệu trái pháp luật, cơ quan, tổ chức, cá nhân phát hiện thông báo đến Bộ Y tế để tổ chức tự kiểm tra theo thẩm quyền. Văn phòng Bộ Y tế có trách nhiệm phối hợp với Vụ Pháp chế xác định đơn vị đã tham mưu ban hành văn bản để chuyển đến tự kiểm tra theo quy định.

Điều 7. Tiếp nhận văn bản để tự kiểm tra theo yêu cầu, kiến nghị và vào Sổ Theo dõi công tác kiểm tra văn bản

1. Khi nhận được yêu cầu, kiến nghị về văn bản do Bộ Y tế ban hành, phối hợp ban hành có dấu hiệu trái pháp luật, đơn vị tiếp nhận văn bản phải ghi rõ ngày tiếp nhận văn bản trên dấu văn bản đến.
2. Đơn vị tự kiểm tra văn bản phải ghi rõ thông tin về văn bản được tự kiểm tra thường xuyên và tự kiểm tra theo yêu cầu, kiến nghị vào sổ văn bản quy phạm pháp luật đến theo mẫu quy định tại Phụ lục số 1 để theo dõi việc tự kiểm tra.

Điều 8. Quy trình tự kiểm tra văn bản thường xuyên sau khi ban hành

1. Trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày ban hành văn bản, thủ trưởng đơn vị thuộc Bộ Y tế đã chủ trì xây dựng văn bản phải tổ chức tự kiểm tra và phân công người kiểm tra văn bản. Tùy theo yêu cầu của văn bản được kiểm tra, Thủ trưởng đơn vị quyết định việc mời cộng tác viên của Bộ Y tế tham gia kiểm tra văn bản hoặc lấy ý kiến chuyên gia về văn bản được kiểm tra.